

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 29-6-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đ; Trụ sở chính: Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 29, ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số 1/47A, đường 22 tháng 12, khu phố H, phường T, thành phố C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1989

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 2000

+ Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1999

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2023)

- Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Nhà bếp và Phòng tắm M; địa chỉ: Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 43, ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vòng và T – Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

Đại diện nguyên đơn bà Phương có mặt tại phiên tòa. Đại diện bị đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đ (bà P) trình bày:*

Vào ngày 01/5/2022 Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký hợp đồng nguyên tắc số 02052021 thực hiện gia công cung cấp cho bên Công ty TNHH sản xuất thiết bị Nhà Bếp và phòng tắm M (gọi tắt là Công ty M) về các sản phẩm máy móc, ngũ kim, dụng cụ cần tay theo yêu cầu. Thực hiện theo đúng hợp đồng nguyên tắc trên, Công ty Đ đã bàn giao đầy đủ hàng hóa, giấy tờ quy định và đại diện hai bên đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa sau mỗi lần nhận hàng. Tuy nhiên, sau khi hoàn tất các thủ tục và nhận hàng cho đến nay Công ty M vẫn chưa thực hiện bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào cho phía Công ty Đ. Cụ thể:

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/5/2022 có ký hiệu 1C22TYD số 28, tổng số tiền thanh toán 10.670.000 đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/5/2022 có ký hiệu 1C22TYD số 29, tổng số tiền thanh toán 47.533.200 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc mà Công ty M cần thanh toán cho Công ty Đ là 58.203.200 đồng.

Theo quy định tại điểm 4.2.2 Khoản 4.2 của Điều IV trách nhiệm và quyền hạn của bên B “Thanh toán cho bên A như thỏa thuận trong Điều III trên đây”. Và theo quy định tại Khoản 3.2 Điều III phương thức thanh toán của hợp đồng nguyên tắc từ 30-45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, nhưng tạm tính đến nay đã 09 tháng kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng Công ty M vẫn chưa thanh toán số tiền trên.

Nay Công ty Đ yêu cầu như sau:

- Buộc Công ty M thanh toán số tiền công nợ cho Công ty Đ là 58.203.200 đồng.

- Buộc Công ty M thanh toán 2.915.172 đồng tiền lãi trên tổng số tiền nợ gốc cho Công ty Đ theo lãi suất 7,3%/năm tính từ ngày 21/6/2022 đến ngày 28/02/2023.

Ngoài ra bà P không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Nhà bếp và Phòng tắm M biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Nhà bếp và Phòng tắm M không có ý kiến và xin vắng mặt.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Các đương sự có ký hợp đồng nguyên tắc số 02052021 ngày 01/5/2021 thực hiện giao công cung cấp về các sản phẩm máy móc, ngũ kim, dụng cụ cần tay theo yêu cầu. Thực hiện theo đúng hợp đồng nguyên tắc trên, nguyên đơn đã bàn giao đầy đủ hàng hóa, giấy tờ quy định và đại diện hai bên đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa sau mỗi lần nhận hàng. Tuy nhiên, sau khi hoàn tất các thủ tục và nhận hàng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào cho phía nguyên đơn. Nên nguyên đơn khởi kiện.

[2.2] Xét hiệu lực của hợp đồng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng nguyên tắc số 02052021 ngày 01/5/2021 được phó giám đốc của nguyên đơn và phó giám đốc của bị đơn ký tên, đóng dấu. Theo đó nguyên đơn bán cho bị đơn các sản phẩm máy móc, ngũ kim, dụng cụ cần tay như: Quạt, súng khoan, súng bắn đinh, vít, dây đai, keo... theo yêu cầu của bị đơn. Theo hợp đồng mặc dù đại diện bên B không phải do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ký tên nhưng trên hợp đồng thể hiện do người đại diện theo pháp luật ủy quyền lại và hai bên đã thực hiện việc giao nhận hàng hóa, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng, tuy nhiên không có chứng cứ gì chứng minh bị đơn

đã thanh toán hết số tiền hàng hóa cho các hóa đơn cho nguyên đơn. Nguyên đơn cung cấp 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 29 ngày 6/5/2022 và số 28 ngày 06/5/2022 và 07 phiếu giao hàng. Theo 02 hóa đơn giá trị gia tăng thì tổng tiền hàng là 58.203.200 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Việc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn không đầy đủ là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 58.203.200 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên tổng số tiền nợ gốc theo lãi suất 6,8%/năm tính từ ngày 21/6/2022 đến khi xét xử. Theo hợp đồng nguyên tắc số 02052021 ngày 01/5/2021 thì mục 3.4 hai bên thỏa thuận *“Trường hợp bên B thanh toán trễ cho bên A, bên B sẽ chịu phạt trên số tiền trễ hạn theo lãi suất của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm đó”*. Tại thời điểm xét xử thì lãi suất ngân hàng Vietcombank là 6,8%/năm. Theo Điều 306 Luật thương mại *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Do đó thỏa thuận này là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ ngày 21/6/2022 đến khi xét xử (29/6/2023) là 01 năm 8 ngày là: 58.203.200 đồng x 6,8%/năm x 01 năm 08 ngày = 4.046.285 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 50, 55, 301, 306 Luật thương mại;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng mua bán” của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đ đối với Công ty TNHH sản xuất thiết bị Nhà bếp và Phòng tắm M.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Nhà bếp và Phòng tắm M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đ số tiền 62.249.485 đồng (sáu mươi hai triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) gồm: Nợ gốc 58.203.200 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm lẻ ba nghìn hai trăm đồng); nợ lãi 4.046.285 đồng (bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Nhà bếp và Phòng tắm M chịu 3.112.474 đồng (ba triệu một trăm mười hai nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

- Hoàn lại cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đ số tiền 1.527.959 đồng (một triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0011535 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh